Phân tích nguyên nhân để có giải pháp phù hợp cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại ở nước ta trong giai đoạn hiện nay

NGUYỄN ĐẮC HƯNG

Nhìn lại lịch sử đổi mới hoạt động ngân hàng ở nước ta có thể thấy, hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) nhà nước ra đời cuối thập kỷ 80 trên cơ sở hình thành hai cấp; các ngân hàng thương mại cổ phần hình thành và phát triển từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước, ngay giai đoạn đầu công cuộc đổi mới kinh tế – xã hội của đất nước. Cho đến nay sau hơn 20 năm đổi mới, hệ thống ngân hàng thương mại nước ta đã tiến hành lần thứ nhất cơ cấu lại vào các năm 2000 – 2005 và chuẩn bị bước vào đợt tái cơ cấu lần thứ hai.

1. Tổng quan các ngân hàng thương mại thời kỳ đầu đổi mới

Phần đông các NHTM cổ phần ở nước ta được cấp giấy phép và khai trương hoạt động trong các năm 1991 – 1993. Bên cạnh đó hàng loạt ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp giấy phép và khai trương hoạt động trong các năm đầu và giữa thập niên 90 của thế kỷ trước. Đây cũng là kết quả thực hiện chính sách phát triển đa thành phần trong hoạt động ngân hàng. Không những vậy, hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần và có yếu tố nước ngoài cũng thúc đẩy phát triển kinh tế đa thành phần trong các lĩnh vực khác của nền kinh tế, góp phần thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Hệ thống NHTM và tổ chức tín dụng (TCTD) khác ở nước ta đã phát triển mạnh về số lượng, mở rộng về quy mô, đa dạng về tính chất và loại hình sở hữu trong những năm đầu đổi mới hoạt động ngân hàng. Cho đến năm 1997, trong cả nước có 4 ngân hàng thương mại nhà nước, 1 Ngân hàng Phục vụ người nghèo, 50 ngân hàng thương mại cổ phần, 2 công ty tài chính cổ phần, 26 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 4 ngân hàng liên doanh, gần 971 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở... Sau đó có thêm Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long, 5 công ty tài chính trong mô hình tổng công ty nhà nước, một số công ty cho thuê tài chính trực thuộc ngân hàng thương mại,... cũng được thành lập.

2. Tổng quan giai đoạn tái cơ cấu hệ thống ngân hàng ở nước ta cách đây gần 10 năm

Trong các năm cuối thập niên 90 đã xảy ra khủng hoảng tài chính – tiền tệ khu vực Châu Á, đồng thời do những yếu kém, sai phạm, rủi ro nên nhiều NHTM cổ phần rơi vào tình trạng thua lỗ, nguy cơ phá sản, đóng cửa; các NHTM nhà nước cũng gặp nhiều khó khăn, trong đó có nguyên nhân chủ yếu liên quan đến các vụ án kinh tế lớn như Epco – Minh Phụng, Tamexco,... đầu tư vốn vào nhiều doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả; hệ thống quỹ tín dụng nhân dân cũng ở trong tình trạng tương tự. Nhìn chung ở vào giai đoạn này các NHTM và TCTD ở nước ta rơi vào tình trạng nợ quá hạn cao,

Nguyễn Đắc Hưng, PGS.TS, Hà Nội.

năng lực tài chính yếu kém,.... Thực trạng đó đặt ra yêu cầu cấp bách phải cải cách, cơ cấu lại hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Nội dung cơ cấu lại do ngành ngân hàng xây dựng đề án cụ thể cho từng khối: NHTM nhà nước, NHTM cổ phần, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, với sự tham gia ý kiến của một số bộ, ngành có liên quan. Sau đó các đề án được Chính phủ phê duyệt. Riêng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, tháng 10-2000, Bộ Chính trị có Chỉ thị 57 CT/TW về củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống này.

Nội dung cơ cấu lại hệ thống NHTM và tổ chức tín dụng của nước ta bao gồm: giải thể, sáp nhập, thanh lý, bán lại các tổ chức yếu kém; tăng vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu; giải quyết tình trạng nợ đọng và làm lành mạnh tình hình tài chính; hiện đại hoá công nghệ; cơ cấu lại tổ chức và quản trị điều hành,...

Thực hiện Quyết định số 149/QĐ-TTg, của Thủ tướng Chính phủ, nợ tồn đọng của các NHTM nhà nước đóng sổ đến ngày 31-12-2000 được phân ra thành 3 nhóm:

+ Nhóm 1: nợ tồn đọng có tài sản đảm bảo.

+ Nhóm 2: nợ tồn đọng không có tài sản đảm bảo và không còn đối tượng để thu hồi nợ.

+ Nhóm 3: nợ tồn đọng không có tài sản đảm bảo nhưng con nợ còn tồn tại, đang hoạt động.

Ở thời điểm ngày 31-12-2000, khi bắt đầu thực hiện đề án cơ cấu lại, tổng số nợ xấu của các NHTM nhà nước là 21.280 tỷ đồng, chiếm trên 15% tổng dư nợ cùng thời điểm của khối này.

Đối với nợ nhóm I của các NHTM: nợ có tài sản đảm bảo, khoảng 10.000 tỷ đồng; riêng Ngân hàng Công thương Việt Nam số nợ là 7.306,8 tỷ đồng, nhưng vướng mắc về các thủ tục phát mại tài sản, chuyển giao quyền sử dụng đất,... nên đến cuối năm 2004 mới xử lý được khoảng 70,7% số nợ, tập trung lớn nhất là vụ án Epco – Minh Phụng, số còn lại tiếp tục theo dõi và xử lý bằng các hình thức khác nhau.

Đối với nợ nhóm II: nợ không có tài sản nhưng con nợ không còn tồn tại. Chính phủ đã phê duyệt và xử lý nợ nhóm này đợt 2 với số tiền là 2.289 tỷ đồng, cộng với kết quả xử lý đợt 1 đưa tổng số nợ nhóm II đã được xử lý của các NHTM trong cả hai đợt là 4.149 tỷ đồng.

Đối với nợ nhóm III: nợ không có tài sản đảm bảo, nhưng con nợ còn tồn tại. Số nợ này tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), đây là vấn đề hết sức nan giải tại thời điểm đó. Bởi vì xử lý những DNNN để thu hồi nợ ngân hàng không quyết định được, mà tùy thuộc vào việc đổi mới, sắp xếp lại các DNNN. Mặc dù NHNN đã phối hợp với Bộ Tài chính thành lập Hội đồng thẩm định đánh giá lại các khoản nợ không có tài sản đảm bảo của các DNNN tại các NHTM nhà nước, nhưng việc xử lý trong những năm đầu vẫn chưa có kết quả. Sau đó só nợ này được xử lý bằng nhiều cách khác nhau.

Kết quả đến khoảng các năm 2005 – 2006, sau 5-6 năm thực hiện các đề án cơ cấu lại, đối với khối NHTM nhà nước đã cơ bản xử lý được nợ xấu, vốn điều lệ được tăng lên bằng nhiều hình thức khác nhau. Hoạt động tín dụng chính sách được tách ra khỏi hoạt động của NHTM và kho bạc nhà nước. Cụ thể hoạt động của Ngân hàng Phục vụ người nghèo được tách ra khỏi Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; hoạt động tín dụng học tập cung cấp tín dụng cho học sinh và sinh viên vay vốn học tập được tách ra khỏi Ngân hàng Công thương Việt Nam; hoạt động cho vay vốn giải quyết việc làm được tách ra khỏi Kho bạc Nhà nước ,... trên cơ sở đó hình thành Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Hai NHTM nhà nước được cổ phần hóa. Quỹ Hỗ trợ phát triển được chuyển đổi thành Ngân hàng Phát triển Việt Nam...

Đối với khối NHTM cổ phần, một số ngân hàng phải thanh lý, giải thể, sáp nhập. Các NHTM cổ phần phải tăng vốn điều lệ theo lộ trình quy định của Chính phủ. Bên cạnh đó các NHTM cổ phần nông thôn được nâng lên thành NHTM cổ phần đô thị; một số NHTM cổ phần được thành lập mới.

Tiếp đó các NHTM tập trung vào giai đoạn nâng cao năng lực cạnh tranh theo yêu cầu hội nhập quốc tế. Kết quả là đến các năm 2008 – 2010 nhìn chung cả khối NHTM cổ phần và NHTM nhà nước đều tập trung đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng hiện đại, tiện ích, công nghệ ngân hàng được hiện đại hóa, chất lượng nhân lực được nâng lên một bước, năng lực quản trị điều hành cũng được nâng lên, công tác quản trị điều hành được đổi mới,... Mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch của các NHTM được phát triển mạnh ra toàn quốc.

Các quỹ tín dụng nhân dân cũng được chấn chỉnh, củng cố lại, có khoảng 70 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phải giải thể, thanh lý, nhưng cũng có nhiều quỹ khác được thành lập mới.

Thực hiện các cam kết quốc tế về mở cửa, hội nhập trong lĩnh vực tài chính, các TCTD nước ngoài được mở rộng hoạt động theo lộ trình cụ thể, một số ngân hàng 100% vốn nước ngoài,.... được thành lập.

3. Yêu cầu đặt ra của giai đoạn tái cơ cấu NHTM hiện nay

3.1. Tổng quan hệ thống ngân hàng hiện nay

Sau gần 10 năm chấn chỉnh, củng cố, đổi mới, phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh,...đến cuối năm 2011, hệ thống ngân hàng Việt Nam bao gồm 1 Ngân hàng Phát triển, 1 Ngân hàng Chính sách xã hội, 5 NHTM nhà nước (kể cả 2 NHTM nhà nước đã được cổ phần hóa có cổ phần chi phối của Nhà nước), 37 NHTM cổ phần, 50 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 5 ngân hàng liên doanh, 18 công ty tài chính, 12 công ty cho thuê tài chính, 1 Quỹ Tín dụng trung ương, 1.083 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và 1 tổ chức tài chính vi mô. Tổng dư nợ tín dụng của hệ thống ngân hàng cho nền kinh tế tăng trưởng bình quân hơn 29%/năm và đến cuối năm 2010 tương đương khoảng 116% GDP. Do đó, hệ thống ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp vốn cho đầu tư phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện an sinh xã hội. Với quy mô và vai trò quan trọng như vậy, sự an toàn, lành mạnh và hiệu quả của hệ thống ngân hàng là nhân tố quan trọng đối với sự ổn định hệ thống tài chính quốc gia và kinh tế vĩ mô.

3.2 Những nguy cơ của yêu cầu cơ cấu lại

Một số nghiên cứu khác cũng đã chỉ ra rằng, bất kỳ một cuộc khủng hoảng tài chính nào cũng liên quan đến 4 vấn đề chính trong ngành ngân hàng: i) chất lượng tài sản có của NHTM kém, thể hiện tập trung ở tỷ lệ nợ xấu cao; ii) NHTM thiếu vốn tự có; iii) NHTM gặp khó khăn về thanh khoản; iv) NHTM có các vấn đề yếu kém về quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro, hoạt động kinh doanh thua lỗ, kém hiệu quả. Chúng ta cùng phân tích 4 nội dung đó đối với hệ thống NHTM Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, tính đến ngày 31-12-2010, theo số liệu đã công bố của NHNN, tổng tài sản trong hệ thống ngân hàng Việt Nam đã lên tới hơn 3,5 triệu tỷ VND (175 tỷ USD) và dư nợ cho vay ở mức 125 tỷ USD, tương đương với 116% GDP của nền kinh tế; trong khi đó chỉ số này của Thái Lan: 100%, Hàn Quốc 80%,....Một số đánh giá cho rằng đây là một mức nợ cao báo động so với cung bậc hiện tại của kinh tế Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp sử dụng vốn vay đầu tư tràn lan kém hiệu quả, một lượng vốn đáng kể bị thu hút vào

thị trường bất động sản chưa biết khi nào quay trở lại NHTM cho vay và tỷ lệ nợ xấu gia tăng, một số NHTM có tỷ lệ này rất cao. Nợ xấu và nợ dưới chuẩn (Non Performing Loan "NPL"; theo quy định của NHNN là nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5) của các ngân hàng thương mại Việt Nam theo NHNN ở mức 3,1% tổng dư nợ tại thời điểm ngày 30-6-2011, tương đương gần 4 tỷ USD. Nếu áp dụng đúng chuẩn mực quốc tế trong việc ghi nhận Nợ dưới chuẩn NPL, thì tỷ lệ thực của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế hiện nay là một ẩn số lớn. Bên cạnh đó, hạch toán cũng như báo cáo của các NHTM về thực trạng nợ xấu là thông tin từ một phía tổ chức báo cáo, chưa phản ánh đầy đủ thực chất của tình trạng này. Do đó một nội dung cơ bản của tái cơ cấu lần này là phải tập trung giải quyết nợ xấu. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản của yêu cầu tái cơ cấu lần thứ hai hệ thống NHTM Việt Nam kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới cho đến nay.

Thứ hai, mặc dù nhiều ngân hàng thương mại của Việt Nam đã đạt mức tỷ lệ đảm bảo vốn tự có tối thiểu (Capital Adequacy Ratio "CAR"; tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản có rủi ro) trên 8%, nhưng trên bình diện chung, tỷ lệ CAR này cũng rất khác nhau giữa các ngân hàng và nhóm NHTM. Quan trọng hơn, tỷ lệ này sẽ bị sụt giảm rất nhanh nếu như hạch toán đúng dự phòng cho các khoản nợ NPL. Lý do là chất lượng tài sản suy giảm làm cho chi phí dự phòng gia tăng, làm giảm, thu hẹp lợi nhuận, cùng với sự gia tăng nợ xấu, cùng với nguy cơ thua lỗ thì vốn chủ sở hữu của một số NHTM sẽ giảm, tỷ lệ an toàn vốn sẽ giảm và có khả năng không còn đảm bảo ở tỷ lệ 8%. Bởi vậy tương tự như nội dung trên đó là phải tập trung giải quyết nợ xấu của NHTM.

Thứ ba, liên quan đến vấn đề thanh khoản, các diễn biến về cuộc đua lãi suất gần đây của các ngân hàng đã cho thấy những khó khăn về thanh khoản của một số NHTM, lãi suất qua đêm trên thị trường liên ngân hàng tăng khá,.... Theo biểu đồ đường cong lãi suất, các ngân hàng thương mại đã sẵn sàng trả lãi suất ngắn hạn cao hơn lãi suất dài dạn và các ngân hàng phải huy động vốn với lãi suất cao để giải tỏa tạm thời vấn đề căng thẳng về luồng tiền. Cả hai nguyên nhân này sẽ làm lợi nhuận NHTM giảm sút. Tình hình này nếu cộng với nợ xấu cao và không giải quyết được dứt điểm, quản trị điều hành không nâng lên được sẽ dễ dàng rơi vào tình trạng tài chính yếu kém, đặt ra nguy cơ bán lại, sáp nhập.

Thứ tư, NHTM có các vấn đề yếu kém về quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro, hoạt động kinh doanh thua lỗ, kém hiệu quả. Đây là một thực trạng đối với nhiều NHTM cổ phần ở nước ta. Thực trạng và nguyên nhân sẽ phân tích cụ thể ở phần sau.

3.3. Mục tiêu cơ cấu lại hệ thống ngân hàng nước ta

Theo quan điểm của tác giả bài viết, mục tiêu tái cơ cấu NHTM nói riêng, các TCTD ở nước ta nói chung không phải là do số lượng NHTM nhiều hay ít. Tại Singapore số dân chỉ bằng một tỉnh, thành phố của Việt Nam nhưng tại đây có hàng trăm NHTM đang hoạt động. Đến cuối thập niên 80 ở Singapore đã có hơn 200 NHTM (commercial bank), và ngân hàng dịch vụ thương mại (merchant bank) với vốn tự có lên đến 200 – 300 tỷ USD. Đến giữa thập niên 90, Singapore đã có trên 140 ngân hàng thương mại sau giai đoạn cải cách sắp xếp lại hệ thống ngân hàng nhằm xây dựng hệ thống ngân hàng vững mạnh có khả năng cung cấp đầy đủ dịch vụ tài chính đáp ứng cho nền kinh tế cùng với sự phát triển của thị trường tài chính vững mạnh. Đến năm 1997, Thái Lan có 63 ngân hàng, trong số đó có 10 ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước. Hoạt động của các NHTM đã đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế Thái Lan và đảm đương về vốn cho nhu cầu phát triển công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Sau

khủng hoảng tài chính năm 1997, Thái Lan phải cho đóng cửa 58 chi nhánh ngân hàng và công ty tài chính, tỷ lệ nợ xấu lên đến 15%

Nhìn rộng hơn, một số quốc gia duy trì hệ thống ngân hàng lớn như Đài Loan (Trung Quốc) có gần 100 ngân hàng nhưng họ chỉ có 20 triệu dân, Inđônêxia có 121 ngân hàng, hoặc nước Mỹ có tới 6.413 ngân hàng nhưng phần lớn là ngân hàng địa phương phục vụ một cộng đồng, một bang nhất định. Còn lại các ngân hàng lớn tập trung và phân định rõ hoạt động cốt lõi là ngân hàng đầu tư hoặc ngân hàng bán lẻ.

Nếu căn cứ về quy mô tổng tài sản, thì ngay cả NHTM cổ phần có tổng tài sản nhỏ nhất Việt Nam cũng không hề thua kém ngân hàng trung bình của Mỹ. Thống kê cho thấy, Mỹ có đến 35% ngân hàng có tổng tài sản dưới 100 triệu USD (dưới 2.100 tỷ đồng), chưa vượt qua 1/3 tổng tài sản của ngân hàng có tổng tài sản nhỏ nhất Việt Nam. Ngay cả nhóm ngân hàng có tổng tài sản từ 100 triệu USD đến 1 tỷ USD (từ 2.100 tỷ đến 21.000 tỷ đồng) chiếm 56,6% tổng số ngân hàng của Mỹ cũng chỉ có tổng tài sản trung bình là 6.035 tỷ đồng, thấp hơn ngân hàng có tổng tài sản nhỏ nhất Việt Nam. Nói cách khác, trên cả ba tiêu chí vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu, tổng tài sản thì các ngân hàng Việt Nam không hề nhỏ so với mặt bằng chung của các ngân hàng Mỹ. Bởi vậy quan điểm các NHTM ở nước ta có quy mô nhỏ cần sáp nhập thành những ngân hàng quy mô lớn cần được trao đổi rộng rãi thêm.

Thực tiễn ở nước ta hiện nay gần 1.100 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, có quy mô rất nhỏ nếu so sánh với một NHTM, vốn điều lệ chỉ khoảng 1,0 tỷ đồng, tổng tài sản bình quân khoảng 15 tỷ đồng, cao nhất cũng chỉ khoảng 250 tỷ đồng, hoạt động ở một xã tại vùng nông thôn. Tuy nhiên các quỹ tín dụng hoạt động rất có hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn vay tiện lợi, nhanh chóng cho các hộ gia đình ở nông thôn. Có thể khẳng định, các quỹ tín dụng nhân dân hiện nay sau gần 10 năm thực hiện Chỉ thị 57 của Bộ Chính trị về chấn chỉnh và củng cố, đến nay hoạt động an toàn, không cần phải tái cơ cấu lại hay phải chấn chỉnh củng cố. Bởi vậy quan niệm về tổ chức tín dụng quy mô nhỏ hay lớn là không cần thiết trong điều kiện ở nước ta hiện nay. Hay nói cách khác quy mô to hay nhỏ không phải là một tiêu chí, không phải là một mục tiêu của tái cơ cấu, mà phải an toàn, hiệu quả, phục vụ tốt hơn nền kinh tế.

Bên cạnh đó, trình độ quản trị của các NHTM ở nước ta còn nhiều bất cập. Vì vậy để NHTM quy mô nhỏ, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, phù hợp với trình độ quản trị điều hành an toàn hơn là sáp nhập thành các NHTM có quy mô lớn gấp từ 1,4 – 1,8 lần, thậm chí lớn gấp 2 lần quy mô hiện tại của một NHTM thì càng không an toàn khi mà trình độ quản trị điều hành không nâng lên được. Vì vậy cơ cấu lại NHTM như đã nói ở trên, trước tiên là tập trung giải quyết nợ xấu gắn với cơ cấu lại quản trị điều hành, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cơ cấu lại màng lưới của chính mỗi NHTM, chứ chưa phải là sáp nhập.

Nhìn ra thế giới, chúng ta có thể kể đến một số thương vụ sáp nhập lớn nhất trong lịch sử ngành tài chính ngân hàng. Đầu tiên là vụ sáp nhập lớn chưa từng thấy trong lịch sử ngành ngân hàng Châu Âu nói riêng và trong ngành công nghiệp tài chính toàn cầu nói chung của hai ngân hàng ABN AMRO của Hà Lan và Barclays PLC của Anh, hình thành nên tập đoàn ngân hàng hàng đầu thế giới tính theo số vốn thị trường. Kế tiếp là vụ sáp nhập của Bank of America với Merrill Lynch, giúp Bank of America đạt tham vọng đứng đầu ngành ngân hàng nội địa của Mỹ xét theo tiêu chí tiền gửi và lượng vốn hóa thị trường. Vụ sáp nhập của Wells Fargo với Wachovia giúp Wells Fargo nâng tầm, đứng ngang hàng với các đối thủ tên tuổi khác tại

Mỹ như JP Morgan Chase và Bank of America. Hoặc vụ sáp nhập của UFJ Holding với Mitsubishi Tokyo Financial Group để hình thành Mitsubishi UFJ Financial Gropup hùng mạnh nhất thế giới, vượt qua Citigroup về giá trị tài sản.

Các vụ sáp nhập đó đều dựa trên cơ sở tự nguyện theo mục tiêu kinh doanh của các tập đoàn chứ không phải ý muốn từ các cơ quan quản lý, dựa trên các nguyên tắc của thị trường, được thoả thuận bình đẳng giữa hai bên, có trình độ công nghệ tương đương nhau, trình độ quản trị theo các chuẩn mực quốc tế. Việc sáp nhập đó chỉ có tính chất tham khảo, chứ việc tái cơ cấu NHTM ở nước ta không phải theo đuổi mục tiêu hình thành các NHTM quy mô lớn hơn, nhưng kém hiệu quả hơn và không thực sự nâng cao được năng lực cạnh tranh thì mục đích cơ cấu lại không đạt được.

Do đó, quy mô vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu hay thậm chí là tổng tài sản dứt khoát không thể là mục tiêu cần hướng đến khi tái cấu trúc, mà cần tập trung vào sự an toàn và hiệu quả của từng NHTM riêng lẻ theo hướng bám sát các tiêu chuẩn an toàn của Hiệp ước Basel. Việt Nam vẫn cần phải duy trì các NHTM có quy mô tài sản trung bình, các quỹ tín dụng nhân dân quy mô nhỏ theo mô hình TCTD hoạt động ở địa phương. Đây cũng là mô hình phổ biến ở các nước, kể cả các nước phát triển nhằm khai thác các phân khúc thị trường mà những ngân hàng có quy mô tài sản lớn ít quan tâm. Buộc các ngân hàng phải tăng vốn điều lệ với tốc độ quá nhanh trong khi công nghệ và trình độ quản trị không theo kịp sẽ làm tăng nguy cơ rủi ro. Giải pháp tăng vốn điều lệ cơ học bằng sáp nhập các ngân hàng yếu kém chỉ làm tăng quy mô vốn điều lệ và tổng tài sản mà không thể cải thiện mức độ an toàn sau khi sáp nhập.

Tuy nhiên để quá trình tái cơ cấu lại lần này thành công, đạt được các mục tiêu đề ra thì cần phải phân tích cụ thể các nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan của thực trạng các NHTM và TCTD để tiến hành các giải pháp đồng bộ, phù hợp.

3.4. Phân tích nguyên nhân để có giải pháp phù hợp

3.4.1. Về khách quan

Nguyên nhân hàng đầu, hay tỷ lệ nợ xấu của nhiều NHTM chủ yếu rơi vào lĩnh vực bất động sản. Nguyên nhân của tình trạng này về vĩ mô, việc quản lý thị trường bất động sản bị thả lỏng. Các địa phương và các ngành có liên quan để cho thị trường này phát triển quá nóng, hàng trăm dự án nhà ở, văn phòng,.... được cấp đất xây dựng, được cấp phép triển khai. Các quy định khác của cơ quan quản lý nhà nước về huy động vốn của chủ dự án cũng bị xem nhẹ. Giá bất động sản được đẩy lên quá cao, cuốn hút người dân, cuốn hút các nhà đầu tư thi nhau mua bán đầu cơ, lướt sóng với vốn từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó chủ yếu là vốn vay NHTM. Đến khi các NHTM thắt chặt cho vay bất động sản, nguôn vốn cho đầu cơ và lướt sóng bị chặn lại, giá bất động sản sụt giảm, thị trường bất động sản đóng băng, nợ xấu của NHTM bộc lộ.

Bên cạnh đó hàng loạt dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cửa khẩu, bến cảng, sân bay,... được các địa phương thi nhau triển khai với nguồn vốn từ nhiều nguồn khác nhau, kể cả gián tiếp và trực tiếp có một tỷ trọng khá của vốn vay NHTM, tập trung là vốn vay của các đơn vị thi công, các nhà thầu... Đến nay một tỷ lệ lớn các dự án đó không hiệu quả, nợ quá hạn NHTM phát sinh.

Lạm phát tăng cao, lãi suất cho vay tăng, NHNN khống chế hạn mức tín dụng. Nhiều dự án của doanh nghiệp, của người vay không tiếp tục vay được vốn để triển khai, hoặc lãi suất quá cao không dám vay. Đây cũng là một nguyên nhân quan trọng làm cho nợ xấu NHTM phát sinh.

Một nguyên nhân khách quan quan trọng khác làm cho nợ xấu của các NHTM ở tỷ lệ đáng quan tâm đó là quản lý các tập đoàn kinh tế nhà nước, những yếu kém của các tập đoàn này. Trong số đó, điển hình là nợ xấu của các NHTM Việt Nam tại Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin).

Số liệu do NHNN đưa ra tại phiên điều trần của Ủy ban Kinh tế quốc hội ngày 25-12-2010 thì số nợ gốc của Vinashin tại các NHTM là 18.000 tỷ đồng. Số nợ này có thể đã trừ khoản nợ của một số công ty đã chuyển giao cho Tập đoàn Dầu khí và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam! Đồng thời chưa tính số nợ ngân hàng nước ngoài và nợ nước ngoài qua phát hành trái phiếu ngoại tệ, ước tính khoảng 26.000 tỷ đồng.

Do đó dù con số nào đi nữa thì số nợ của Vinashin tại các NHTM Việt Nam, tập trung là các NHTM nhà nước lên tới hàng chục nghìn tỷ đồng, chủ yếu là nợ quá hạn. Đó là chưa kể số nợ tại Công ty Cho thuê tài chính II của Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, số nợ của một số tập đoàn khác.

Như đã nói ở trên, tỷ lệ nợ xấu của các NHTM khoảng 3,1% vẫn nằm trong ngưỡng an toàn. Tổng số nợ xấu của các NHTM hiện nay ước tính khoảng 75.000 tỷ đồng, trong đó nợ có nguy cơ mất vốn chiếm khoảng 47%. Tuy nhiên đó chưa phải con số đúng, đồng thời qua các vụ vỡ nợ tín dụng đen xảy ra thời gian gần đây, qua tình trạng đóng băng của thị trường bất động sản, tình trạng sụt giảm liên tục của thị trường chứng khoán,... thì số nợ xấu của các NHTM đến hết năm 2011 sẽ tiếp tục tăng lên khá.

Bởi vậy giải pháp đầu tiên về mặt vĩ mô đó là quản lý chặt chẽ thị trường bất động sản, quản lý các dự án cơ sở hạ tầng ở các địa phương. Đồng thời ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát.

3.4.2. Về chủ quan

Trong suốt hơn 5 năm qua: 2006-2010, các NHTM và TCTD khác không chủ động giới hạn cho vay vào các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao, đặc biệt là tình trạng cho vay kinh doanh bất động sản, đầu tư chứng khoán,.... trong khi vẫn tiếp tục phải thực hiện mục tiêu tăng vốn với tốc độ cao. Cơ quan quản lý nhà nước chậm ban hành quy định một số chỉ tiêu an toàn khác, đồng thời có một số quy định không phù hợp, sau đó đã được chỉnh sửa, bổ sung.

Vốn điều lệ tăng cao, nhiều NHTM phải tăng tới 2-3 lần vốn điều lệ trong thời gian nhất định. Vốn điều lệ tăng cao, sức ép cổ tức chia cho cổ đông rất lớn. Đồng thời vốn điều lệ tăng cao thì quy mô dư nợ cho vay cũng tăng. Do đó nhiều NHTM cổ phần có tốc độ tăng dư nợ tới 40% thậm chí 70 – 80% mỗi năm. Cuộc cạnh tranh đua nhau mở chi nhánh, phòng giao dịch trong khi năng lực quản trị điều hành không nâng lên. Không chỉ những vậy, để đáp ứng yêu cầu tăng vốn điều lệ, cổ đông chính, cổ đông lớn, cổ đông sáng lập, cổ đông đóng vai trò chi phối phải tìm cách " xoay tiền", nhiều người tìm cách cho vay và đi vay chéo giữa các NHTM với nhau, với tài sản đảm bảo tiền vay chủ yếu là bất động sản. Bởi trong số nhiều thành viên hội động quản trị NHTM cổ phần cũng chính là những nhà kinh doanh bất động sản tầm cỡ.

Cũng bởi sức ép về đảm bảo cổ tức trong điều kiện vốn điều lệ tăng cao, nên các NHTM giao chỉ tiêu khoán kinh doanh rất lớn cho các chi nhánh và phòng giao dịch. Các đơn vị kinh doanh này trước sức ép các chỉ tiêu được giao nên mở rộng cho vay quá nóng, không quan tâm nhiều đều an toàn.

Nhiều doanh nghiệp vay vốn NHTM lại chính là các công ty "sân sau" của chính thành viên hội đồng quản trị NHTM đó, trong đó không ít công ty hoạt động trong lĩnh vực bất động sản. Các khoản cho vay đối với các công ty dạng này không được thực hiện nghiêm túc các quy định về tín dụng, nợ xấu phát sinh.

4. Giải pháp cơ cấu lại các NHTM ở nước ta hiện nay

Chấn chỉnh lại công tác quản trị điều hành của chính từng NHTM; rà soát và hoàn thiện các quy định nội bộ, có chiến lược hoạt động kinh doanh nói chung, chiến lược hoạt động tín dụng nói riêng phù hợp. Không đầu tư quá nhiều vốn vào các lĩnh vực rủi ro, như chứng khoán, bất động sản,...Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, đảm bảo tính độc lập, nâng cao hiệu quả của hoạt động kiểm tra và kiểm soát nội bộ.

Cơ quan quản lý nhà nước chủ động ban hành các quy định quản lý phù hợp đối với các NHTM, không nên để tình trạng cho vay kinh doanh chứng khoán, đầu tư bất động sản quá lớn, rủi ro cao, đến lúc đó mới ban hành quy định. Không nên để tình trạng các quy định quản lý chạy theo sau thực tiễn. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát.

Có lộ trình tăng vốn chủ sở hữu phù hợp, không nên để tình trạng tăng vốn chủ sở hữu với tốc độ quá lớn như thời gian qua.

Tiến hành phân tích nợ xấu và có giải pháp cụ thể giải quyết nợ xấu. Chính phủ cần có cơ chế trong xử lý nợ xấu của các NHTM liên quan đến các tập đoàn kinh tế nhà nước, điển hình là Vinashin.

Các NHTM cần chủ động cơ cấu lại mạng lưới, cần có biện pháp mạnh mẽ đối với các chi nhánh làm ăn thua lỗ kéo dài. Cần phải phân tích nguyên nhân tại sao chi nhánh đó lỗ, nếu như do phát triển nóng, mở nhiều chi nhánh, ở vị trí kinh doanh không thuận lợi, thì dứt khoát chuyển địa điểm. Nếu do chủ quan của người lãnh đạo thì thay người khác. Sau các giải pháp về nhân sự mà vẫn hoạt động không hiệu quả thì sáp nhập, đóng cửa, giải thể chi nhánh đó. Công việc này làm tương tự đối với các phòng giao dịch của NHTM. Việc đóng cửa một chi nhánh, một phòng giao dịch cần hết sức cân nhắc đến các khách hàng truyền thống, nhất là khách hàng gửi tiền, tránh sự hẫng hụt, nghi ngờ niềm tin và bất tiện cho giao dịch của người dân, của doanh nghiệp, cùng hàng loạt các vấn đề khác về chi phí, ổn định tổ chức và hiệu quả chung.

Các NHTM phải cơ cấu lại các đơn vị thành viên của mình. Cụ thể như Công ty cho thuê tài chính, công ty chứng khoán, công ty kinh doanh bất động sản... nếu thua lỗ kéo dài thì dứt khoát phải giải thể, thanh lý, đóng cửa, hay bán lại cho các đơn vị khác.

Cơ cấu lại quản trị điều hành gắn liền với cơ cấu lại nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo và đào tạo lại cán bộ, nhân viên, chuẩn hóa trong công tác tuyển dụng và bố trí, sử dụng nhân lực.

Chính phủ khẩn trương tái cơ cấu lại các tập đoàn kinh tế nhà nước có hiệu quả.

Sáp nhập, bán lại, hợp nhất giữa các NHTM không phải là giải pháp chính và không phải mục tiêu của cơ cấu lại. Công việc đó phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với các quy định pháp luật.

Cần tham khảo bài học, kinh nghiệm thực hiện đề án cơ cấu lại NHTM cách đây 10 năm với nhiều nguyên nhân tương tự như tình trạng hiện nay: Khủng hoảng tài chính tiền tệ, sự phát triển nóng của thị trường bất động sản và tình trạng nợ xấu, năng lực quản trị điều hành.../.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- www.sbv.gov.vn
- www.tuoitre.vn